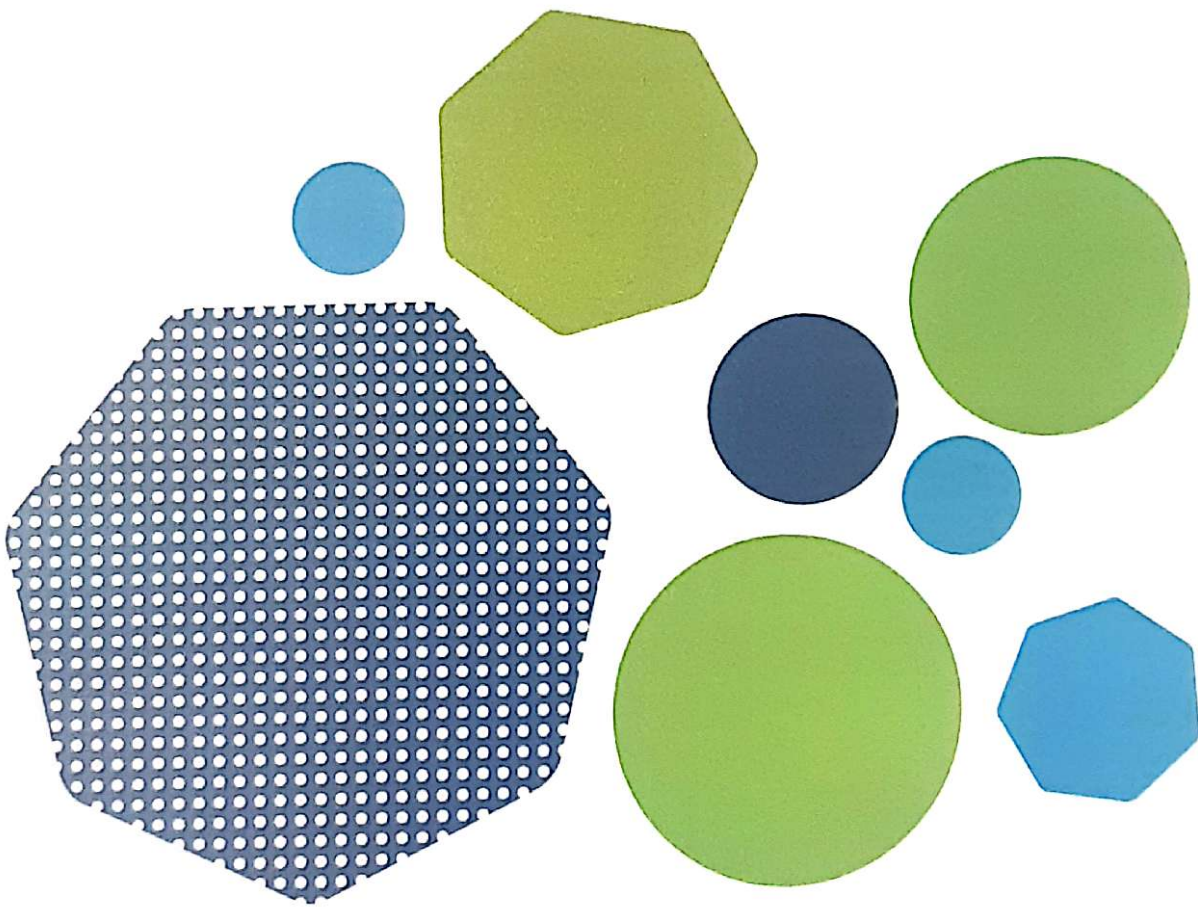


**CÔNG TY CỔ PHẦN BỆNH VIỆN GIAO THÔNG VẬN TẢI**  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**  
**CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31/12/2024**



Thành viên độc lập của Hãng UHY Quốc tế

*Giúp Khách hàng  
phát triển thịnh vượng*

**MỤC LỤC**

<b>NỘI DUNG</b>	<b>TRANG</b>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4 - 5
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	6 - 7
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	8
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	9 - 10
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	11 - 30

## **BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty cổ phần Bệnh viện Giao thông vận tải (sau đây được gọi là “Công ty”) đệ trình Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024.

### **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN GIÁM ĐỐC**

Các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Giám đốc đã điều hành Công ty cho năm tài chính kết thúc này 31/12/2024 và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

#### **Hội đồng Quản trị**

Ông Lê Thanh Tuấn	Chủ tịch
Ông Nguyễn Minh Đức	Thành viên
Ông Bùi Sỹ Tuấn Anh	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Thu Hiền	Thành viên

#### **Ban Kiểm soát**

Bà Phạm Thị Mai Hương	Trưởng Ban
Ông Đăng Trung Dũng	Thành viên
Bà Tạ Minh Tiến	Thành viên (Bổ nhiệm ngày 23/04/2024)

#### **Ban Giám đốc và Kế toán trưởng**

Ông Bùi Sỹ Tuấn Anh	Giám đốc
Bà Nguyễn Thị Thu Hiền	Phó Giám đốc
Bà Đào Thị Thanh Huyền	Kế toán trưởng

### **CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH**

Ban Giám đốc Công ty khẳng định rằng không có sự kiện nào sau ngày kết thúc năm tài chính có ảnh hưởng trọng yếu, cần phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính này.

### **NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT**

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 và đến ngày lập báo cáo này là ông Bùi Sỹ Tuấn Anh.

### **KIỂM TOÁN VIÊN**

Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY.

### **TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:



**BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (TIẾP)**

**TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC (TIẾP)**

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh;
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính. Ngoài ra, Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,



**Bùi Sỹ Tuấn Anh**  
**Giám đốc**

Hà Nội, ngày 06 tháng 02 năm 2025





## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Về Báo cáo tài chính của Công ty cổ phần Bệnh viện Giao thông vận tải  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

Kính gửi: Các Cổ đông  
Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc  
Công ty cổ phần Bệnh viện Giao thông vận tải

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty cổ phần Bệnh viện Giao thông vận tải (sau đây gọi tắt là "Công ty") được lập ngày 06 tháng 02 năm 2025, từ trang 06 đến trang 30 kèm theo, bao gồm: Bảng Cân đối kế toán tại ngày 31/12/2024, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính kèm theo.

### Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

### Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty cổ phần Bệnh viện Giao thông vận tải tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP)

### Vấn đề cần nhấn mạnh

Như trình bày tại Thuyết minh số 29 phần Thuyết minh báo cáo tài chính, theo Quyết định số 1129/QĐ-TTg ngày 21 tháng 7 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ về Phương án thi điểm cổ phần hóa Bệnh viện Giao thông Vận tải Trung ương (được cổ phần hóa thành Công ty cổ phần Bệnh viện Giao thông vận tải), Công ty thực hiện thuê đất của Nhà nước và trả tiền thuê đất theo quy định của pháp luật về quản lý và sử dụng đất đối với khu đất tại Ngõ 84 phố Chùa Láng, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội. Tại thời điểm phát hành báo cáo tài chính này, Công ty vẫn chưa được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt phương án và ghi nhận chi phí thuê đất.

Chúng tôi lưu ý người đọc đến Thuyết minh số 30 phần Thuyết minh báo cáo tài chính, trong đó mô tả một số chỉ tiêu tài chính và sự kiện cho thấy sự tồn tại của các yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể dẫn đến nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Tuy nhiên, Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 của Công ty vẫn được trình bày trên cơ sở hoạt động liên tục do Ban Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể cân đối được dòng tiền thanh toán các khoản nợ khi đến hạn và đảm bảo khả năng hoạt động liên tục của Công ty trong 12 tháng tiếp theo.

Ý kiến của chúng tôi không liên quan đến vấn đề cần nhấn mạnh trên.

### Vấn đề khác

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 của Công ty cổ phần Bệnh viện Giao thông vận tải đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Hãng Kiểm toán và Định giá ASCO, Kiểm toán viên và doanh nghiệp kiểm toán trên đã đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần đối với báo cáo tài chính trên vào ngày 20/03/2024.



**Bùi Minh Đức**  
Giám đốc kiểm toán  
Giấy CNDKHN kiểm toán số 5586-2021-112-1  
Thay mặt và đại diện cho

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN UHY**  
Hà Nội, ngày 06 tháng 02 năm 2025

**Trần Thanh Tùng**  
Kiểm toán viên  
Giấy CNDKHN kiểm toán số 4051-2022-112-1



Mẫu số B01-DN

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**  
Tại ngày 31/12/2024

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2024 VND	01/01/2024 VND
<b>A - TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>69.589.029.073</b>	<b>60.712.899.665</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>4</b>	<b>18.048.288.112</b>	<b>5.298.158.628</b>
1. Tiền	111		15.798.288.112	5.298.158.628
2. Các khoản tương đương tiền	112		2.250.000.000	-
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>	<b>5</b>	<b>2.250.000.000</b>	<b>4.500.000.000</b>
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		2.250.000.000	4.500.000.000
<b>III Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>26.627.257.295</b>	<b>34.272.049.171</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	7	30.691.873.331	37.749.283.824
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	6	598.806.319	748.463.089
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	8	996.881.822	1.001.930.356
4. Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi	137	9	(5.660.304.177)	(5.227.628.098)
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>10</b>	<b>22.650.512.007</b>	<b>16.629.720.207</b>
1. Hàng tồn kho	141		22.930.086.015	16.914.294.215
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(279.574.008)	(284.574.008)
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>12.971.659</b>	<b>12.971.659</b>
1. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	16	12.971.659	12.971.659
<b>B - TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>142.593.070.351</b>	<b>155.734.008.137</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>139.849.942.066</b>	<b>152.283.683.310</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	14	138.831.093.458	151.981.368.176
- Nguyên giá	222		426.138.583.191	433.425.575.745
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(287.307.489.733)	(281.444.207.569)
2. Tài sản cố định vô hình	227	13	1.018.848.608	302.315.134
- Nguyên giá	228		3.087.300.970	2.302.300.970
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(2.068.452.362)	(1.999.985.836)
<b>III Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>71.250.000</b>	<b>-</b>
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	11	71.250.000	-
<b>IV. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>2.671.878.285</b>	<b>3.450.324.827</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	12	2.671.878.285	3.450.324.827
<b>TỔNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>212.182.099.424</b>	<b>216.446.907.802</b>



Mẫu số B01-DN

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP)**

Tại ngày 31/12/2024

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2024	01/01/2024
			VND	VND
<b>A - NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>40.343.898.760</b>	<b>50.484.625.702</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>40.343.898.760</b>	<b>50.484.625.702</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	15	26.412.773.839	33.303.657.713
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		1.525.598.128	1.446.243.831
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	16	234.113.773	197.848.754
4. Phải trả người lao động	314		11.322.378.754	11.817.839.373
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		192.865.500	1.514.522.495
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	17	656.168.766	1.004.663.536
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320		-	1.199.850.000
<b>B - VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>	<b>18</b>	<b>171.838.200.664</b>	<b>165.962.282.100</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>		<b>171.838.200.664</b>	<b>165.961.832.100</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		391.459.707.823	391.459.707.823
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		391.459.707.823	391.459.707.823
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		12.748.944.596	12.748.944.596
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(232.370.451.755)	(238.246.820.319)
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		(238.246.820.319)	(222.576.791.077)
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		5.876.368.564	(15.670.029.242)
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>-</b>	<b>450.000</b>
1. Nguồn kinh phí	431		-	450.000
<b>TỔNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>212.182.099.424</b>	<b>216.446.907.802</b>

Hà Nội, ngày 06 tháng 02 năm 2025

Người lập biểu

Hoàng Thị Ánh Nguyệt

Kế toán trưởng

Đào Thị Thanh Huyền

Giám đốc



Bùi Sỹ Tuấn Anh

Mẫu số B02-DN

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**  
Cho năm tài chính kết thúc này 31/12/2024

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay VND	Năm trước VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	19	230.867.817.917	197.557.470.953
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		230.867.817.917	197.557.470.953
4. Giá vốn hàng bán	11	20	198.838.152.668	187.279.396.745
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		32.029.665.249	10.278.074.208
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	21	215.226.443	298.876.999
7. Chi phí tài chính	22	22	34.842.124	141.359.794
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		34.842.124	141.359.794
8. Chi phí bán hàng	25	23	662.715.092	611.579.175
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	23	29.265.654.454	28.386.405.101
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		2.281.680.022	(18.562.392.863)
11. Thu nhập khác	31	25	4.440.648.819	3.680.503.571
12. Chi phí khác	32	26	845.960.277	788.139.950
13. Lợi nhuận khác	40		3.594.688.542	2.892.363.621
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		5.876.368.564	(15.670.029.242)
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		-	-
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		5.876.368.564	(15.670.029.242)
18. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61		5.876.368.564	(15.670.029.242)
19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	27	150	(400)
20. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	27	150	(400)

Hà Nội, ngày 06 tháng 02 năm 2025

Người lập biểu

Hoàng Thị Ánh Nguyệt

Kế toán trưởng

Đào Thị Thanh Huyền

Giám đốc



Bùi Sỹ Tuấn Anh



**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
 (Theo phương pháp gián tiếp)  
 Cho năm tài chính kết thúc này 31/12/2024

Chi tiêu	Mã Thuyết số minh	Năm nay	Năm trước
		VND	(Trình bày lại) VND
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	5.876.368.564	(15.670.029.242)
2. Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT, LTTM	02	18.028.581.031	22.185.192.422
Các khoản dự phòng	03	432.676.079	185.432.606
(Lãi) hoạt động đầu tư	05	(278.919.363)	(298.876.999)
Chi phí lãi vay	06	34.842.124	141.359.794
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	24.093.548.435	6.543.078.581
Tăng, giảm các khoản phải thu	09	7.401.984.975	(10.010.624.370)
Tăng, giảm hàng tồn kho	10	(6.020.791.800)	(2.301.486.205)
Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	(10.693.112.282)	1.204.326.778
Tăng, giảm chi phí trả trước	12	778.446.542	287.329.875
Tiền lãi vay đã trả	14	(34.842.124)	(141.359.794)
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17	(450.000)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	15.524.783.746	(4.418.735.135)
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>			
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(3.913.854.447)	(7.429.309.449)
Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	63.692.920	-
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	-	(4.500.000.000)
Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	2.250.000.000	-
Tiền thu lãi vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	25.357.265	29.986.588
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(1.574.804.262)	(11.899.322.861)



Mẫu số B03-DN

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tiếp theo)**  
(Theo phương pháp gián tiếp)  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

Chỉ tiêu	Mã Thuyết số minh	Năm nay	Năm trước
		VND	(Trình bày lại) VND
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>			
Tiền thu từ đi vay	33	-	2.999.850.000
Tiền trả nợ gốc vay	34	(1.199.850.000)	(1.800.000.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>(1.199.850.000)</b>	<b>1.199.850.000</b>
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	12.750.129.484	(15.118.207.996)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60 4	5.298.158.628	20.416.366.624
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70 4	18.048.288.112	5.298.158.628

Hà Nội, ngày 06 tháng 02 năm 2025

Người lập biểu

Hoàng Thị Ánh Nguyệt

Kế toán trưởng

Đào Thị Thanh Huyền

Giám đốc



Bùi Sỹ Tuấn Anh

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Mẫu số B09-DN

**1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP**

**1.1 HÌNH THỨC SỞ HỮU VỐN**

Công ty cổ phần Bệnh viện Giao thông vận tải được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần số 0107276138 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 05 tháng 01 năm 2016, đăng ký thay đổi lần thứ năm ngày 22 tháng 5 năm 2024.

Trụ sở của Công ty hiện đặt tại ngõ 84 phố Chùa Láng, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội.

Vốn điều lệ của Công ty là 391.459.707.823 đồng, tương đương 39.145.970 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31/12/2024 là: 382 người (tại ngày 01/01/2024 là: 363 người).

**1.2 LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ NGÀNH SẢN XUẤT KINH DOANH CHÍNH**

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty:

Công ty kinh doanh trong lĩnh vực khám chữa bệnh.

Các ngành nghề kinh doanh chính của Công ty bao gồm:

Hoạt động chính của Công ty là kinh doanh khám chữa bệnh, các kỹ thuật chuyên môn theo Giấy phép hoạt động khám chữa bệnh số 259/BHYT-GPHĐ do Bộ Y tế cấp ngày 20/03/2014.

**1.3 CHU KỲ SẢN XUẤT, KINH DOANH THÔNG THƯỜNG**

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

**1.4 TUYÊN BỐ VỀ KHẢ NĂNG SO SÁNH THÔNG TIN TRÊN BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Số liệu so sánh trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 của Công ty đã được kiểm toán.

**2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH**

**2.1 CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam (Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC) và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

**2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH (TIẾP)****2.2 KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

Báo cáo tài chính kèm theo được lập cho kỳ kế toán bắt đầu từ ngày 01/01/2024 đến ngày 31/12/2024.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

**2.3 TUYÊN BỐ VỀ VIỆC TUÂN THỦ CHUẨN MỤC KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN**

Báo cáo tài chính của Công ty được lập và trình bày đảm bảo tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC hướng dẫn Phương pháp lập và trình bày Báo cáo tài chính.

**3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

Sau đây là những chính sách kế toán quan trọng được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính này:

**3.1 CÁC THAY ĐỔI TRONG CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN VÀ THUYẾT MINH**

Các chính sách kế toán Công ty sử dụng để lập Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 được áp dụng nhất quán với các chính sách đã được áp dụng để lập Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023.

**3.2 ƯỚC TÍNH KẾ TOÁN**

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các khoản công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

**3.3 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, các khoản đầu tư ngắn hạn hoặc các khoản đầu tư có tính thanh khoản cao. Các khoản đầu tư có tính thanh khoản cao là các khoản có kỳ hạn gốc không quá 03 tháng, có khả năng chuyển đổi thành các khoản tiền xác định và ít rủi ro liên quan đến việc chuyển đổi giá trị của các khoản này.

**3.4 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH*****Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn***

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

**3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)****3.4 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (TIẾP)**

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập từ lãi các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi của khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập dựa theo các quy định hiện hành.

**3.5 CÁC KHOẢN PHẢI THU VÀ DỰ PHÒNG NỢ PHẢI THU KHÓ ĐÒI**

Các khoản phải thu gồm: các khoản phải thu khách hàng, khoản trả trước cho người bán và các khoản phải thu khác tại thời điểm báo cáo.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty;
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các kế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

**3.6 HÀNG TỒN KHO**

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí ước tính để bán sản phẩm.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang cuối kỳ:

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

**3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)****3.6 HÀNG TỒN KHO (TIẾP)**

Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp theo chi phí phát sinh thực tế cho bệnh nhân điều trị chưa ra viện tại thời điểm lên báo cáo.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

**3.7 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH**

Nguyên giá tài sản cố định mua sắm bao gồm giá mua (trừ các khoản chiết khấu thương mại hoặc giảm giá), các khoản thuế và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu TSCĐ được ghi tăng nguyên giá của tài sản khi các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai. Các chi phí phát sinh không thoả mãn được điều kiện trên được Công ty ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Kế toán TSCĐ hữu hình được phân loại theo nhóm tài sản có cùng tính chất và mục đích sử dụng trong hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<i>Loại tài sản</i>	<i>Thời gian sử dụng (năm)</i>
- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 50
- Máy móc, thiết bị	05 - 15
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 10
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	05 - 10
- Các tài sản khác	05 - 10
- Phần mềm quản lý	05 - 10

**3.8 CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỒ DANG**

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích kinh doanh và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

**3.9 CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các kỳ kế toán sau.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

**3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)**

**3.9 CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC (TIẾP)**

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý.

Các loại chi phí trả trước của Công ty bao gồm:

- Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản mà Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu đồng và do đó không đủ điều kiện để ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá công cụ dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 01 - 03 năm.
- Chi phí trả trước khác được ghi nhận theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu dụng từ 06 tháng đến 03 năm.
- Lợi thế kinh doanh phát sinh khi cổ phần hóa doanh nghiệp Nhà nước được phân bổ dần tối đa không quá 8 năm.

**3.10 NỢ PHẢI TRẢ**

Nợ phải trả là các khoản phải thanh toán cho nhà cung cấp và các đối tượng khác. Nợ phải trả bao gồm các khoản phải trả người bán và phải trả khác. Nợ phải trả không ghi nhận thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán.

Việc phân loại các khoản nợ phải trả được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với người mua;
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

**3.11 VỐN CHỦ SỞ HỮU**

*Vốn đầu tư của chủ sở hữu* được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

*Thặng dư vốn cổ phần* phản ánh chênh lệch giữa mệnh giá, chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu và giá phát hành cổ phiếu (kể cả các trường hợp tái phát hành cổ phiếu quỹ) và có thể là thặng dư dương (nếu giá phát hành cao hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu) hoặc thặng dư âm (nếu giá phát hành thấp hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu).

*Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối* phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty.

**3.12 GHI NHẬN DOANH THU, THU NHẬP**

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)*

**3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)**

**3.12 GHI NHẬN DOANH THU, THU NHẬP (TIẾP)**

*Doanh thu bán thành phẩm, hàng hóa*

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

*Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày khóa sổ lập Báo cáo tài chính; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

*Doanh thu hoạt động tài chính*

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

**3.13 GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

Giá vốn hàng bán trong kỳ được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong kỳ và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan,... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong kỳ.

**3.14 CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí lãi vay.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)*

**3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)**

**3.15 THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP**

*Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành*

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong kỳ và thuế suất thuế TNDN trong kỳ kế toán hiện hành.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

*Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp*

Trong năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024, Công ty được áp dụng một mức thuế suất thuế TNDN là 20% đối với các hoạt động kinh doanh có thu nhập chịu thuế TNDN.

**3.16 LÃI TRÊN CỔ PHIẾU**

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập Quỹ Khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ.

**3.17 CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)*

**4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
- Tiền mặt	29.420.118	256.069.364
- Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	15.768.867.994	5.042.089.264
- Các khoản tương đương tiền (*)	2.250.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>18.048.288.112</b>	<b>5.298.158.628</b>

(\*) Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn còn lại dưới 03 tháng và được gửi tại Ngân hàng Công thương Việt Nam - Chi nhánh Thanh Xuân với lãi suất 8%/năm.



**CÔNG TY CỔ PHẦN BỆNH VIỆN GIAO THÔNG VẬN TẢI**

Ngõ 84 phố Chùa Láng, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)***(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)***5. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH**

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá gốc VND	Giá trị ghi số VND	Giá gốc VND	Giá trị ghi số VND
<b>Ngắn hạn</b>	2.250.000.000	2.250.000.000	4.500.000.000	4.500.000.000
- Tiền gửi có kỳ hạn (*)	2.250.000.000	2.250.000.000	4.500.000.000	4.500.000.000
<b>Cộng</b>	<b>2.250.000.000</b>	<b>2.250.000.000</b>	<b>4.500.000.000</b>	<b>4.500.000.000</b>

Tại 31/12/2024, các khoản tiền gửi có kỳ hạn bao gồm:

(\*) Các hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn 13 tháng và được gửi tại Ngân hàng Công thương Việt Nam - Chi nhánh Thanh Xuân với lãi suất 8%/năm.

**6. TRẢ TRƯỚC NGƯỜI BÁN**

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
<b>Ngắn hạn</b>	598.806.319	-	748.463.089	-
- Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Phúc Lâm	261.354.588	-	-	-
- Công ty Cổ phần Phần mềm Quản lý doanh nghiệp	116.600.000	-	-	-
- Công ty Cổ phần Tư vấn và Xây dựng Vương Thành Phát	61.307.576	-	61.307.576	-
- Công ty Cổ phần Phần mềm y tế Việt Nam	-	-	235.500.000	-
- Các đối tượng khác	420.898.743	-	451.655.513	-
<b>Cộng</b>	<b>598.806.319</b>	<b>-</b>	<b>748.463.089</b>	<b>-</b>

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

**CÔNG TY CỔ PHẦN BỆNH VIỆN GIAO THÔNG VẬN TÀI**  
 Ngõ 84 phố Chùa Láng, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

**7. PHẢI THU KHÁCH HÀNG**

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
<b>Ngắn hạn</b>	<b>30.691.873.331</b>	<b>(5.660.304.177)</b>	<b>37.749.283.824</b>	<b>(5.227.628.098)</b>
- Cơ quan Bảo hiểm xã hội Thành phố Hà Nội	24.461.470.192	(4.784.390.011)	34.906.254.485	(4.784.390.011)
<i>Phải thu về tiền khám chữa bệnh BHYT phát sinh trong năm 2024</i>	9.758.850.392	-	-	-
<i>Phải thu về tiền khám chữa bệnh BHYT phát sinh trong năm 2023</i>	9.918.229.789	-	27.351.337.245	-
<i>Phải thu về tiền khám chữa bệnh BHYT phát sinh trong năm 2022</i>	-	-	2.770.527.229	-
<i>Phải thu về tiền khám chữa bệnh BHYT phát sinh trước năm 2019</i>	4.784.390.011	(4.784.390.011)	4.784.390.011	(4.784.390.011)
- Khách hàng dịch vụ khám sức khỏe định kỳ	2.382.687.300	-	492.210.000	-
- Các đối tượng khác	3.847.715.839	(875.914.166)	2.350.819.339	(443.238.087)
<b>Cộng</b>	<b>30.691.873.331</b>	<b>(5.660.304.177)</b>	<b>37.749.283.824</b>	<b>(5.227.628.098)</b>

**8. PHẢI THU KHÁC**

	31/12/2024		01/01/2024	
	VND	VND	VND	VND
<b>Ngắn hạn</b>	<b>996.881.822</b>	<b>-</b>	<b>1.001.930.356</b>	<b>-</b>
- Tạm ứng	106.542.000	-	468.382.000	-
- Ký quỹ, ký cược	244.315.212	-	132.102.028	-
- Các khoản phải thu khác	646.024.610	-	401.446.328	-
<b>Cộng</b>	<b>996.881.822</b>	<b>-</b>	<b>1.001.930.356</b>	<b>-</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN BỆNH VIỆN GIAO THÔNG VẬN TÀI**

Ngõ 84 phố Chùa Láng, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)***(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)***9. NỢ XẤU**

	31/12/2024		01/01/2024			
	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Dự phòng VND
- Phải thu bảo hiểm xã hội Thành phố Hà Nội về tiền khám bệnh, chữa bệnh bảo hiểm y tế phát sinh trước năm 2019	4.784.390.011	-	(4.784.390.011)	4.784.390.011	-	(4.784.390.011)
- Công ty Cổ phần Y dược Hưng Thành	37.134.000	-	(37.134.000)	37.134.000	-	(37.134.000)
- Trường Trung cấp Y tế Hà Nội	220.671.481	-	(220.671.481)	220.671.481	-	(220.671.481)
- Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Dịch vụ Việt An	618.108.685	-	(618.108.685)	618.108.685	432.676.079	(185.432.606)
<b>Tổng cộng</b>	<b>5.660.304.177</b>	<b>-</b>	<b>(5.660.304.177)</b>	<b>5.660.304.177</b>	<b>432.676.079</b>	<b>(5.227.628.098)</b>

**10. HÀNG TỒN KHO**

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
- Dược phẩm dùng cho hoạt động khám chữa bệnh	16.747.120.543	(52.474.008)	11.563.851.342	(52.474.008)
- Vật tư y tế, hóa chất dùng cho hoạt động khám chữa bệnh	4.944.670.186	(227.100.000)	3.902.424.591	(232.100.000)
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang (*)	583.287.223	-	489.948.557	-
- Dược phẩm dùng cho hoạt động kinh doanh tại quầy thuốc	215.932.693	-	793.974.245	-
- Dụng cụ và vật tư tiêu hao	439.075.370	-	164.095.480	-
<b>Cộng</b>	<b>22.930.086.015</b>	<b>(279.574.008)</b>	<b>16.914.294.215</b>	<b>(284.574.008)</b>

(\*) Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang là chi phí thuốc, vật tư y tế đã sử dụng cho các bệnh nhân còn điều trị tại thời điểm cuối kỳ.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

**11. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỨ DANG**

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
- Dự án Cải tạo, sửa chữa khu nhà Bảo vệ, nhà kho cũ, nhà thuốc cũ thành khu phòng khám dịch vụ tại Bệnh viện	33.250.000	-
- Dự án Xây dựng mới khoa Thận Tiết niệu - Lọc máu	26.000.000	-
- Dự án Cải tạo cơ sở vật chất, mua sắm trang thiết bị của Bệnh viện	12.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>71.250.000</b>	<b>-</b>

**12. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
<b>Dài hạn</b>	<b>2.671.878.285</b>	<b>3.450.324.827</b>
- Công cụ, dụng cụ chờ phân bổ	2.436.409.278	2.979.386.840
- Lợi thế kinh doanh (*)	235.469.007	470.937.987
<b>Cộng</b>	<b>2.671.878.285</b>	<b>3.450.324.827</b>

(\*) Giá trị lợi thế kinh doanh xác định theo định giá xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa theo quyết định tại Biên bản Kiểm tra quyết toán thu tiền từ cổ phần hóa, chi phí cổ phần hóa, chi phí lao động dôi dư, xác định giá trị thực tế phần vốn Nhà nước tại thời điểm chuyển đổi sở hữu cổ phần của Công ty cổ phần Bệnh viện Giao thông vận tải do Bộ Giao thông Vận tải và Cục Y tế Giao thông Vận tải ban hành ngày 15/02/2017 và được phân bổ trong vòng 96 tháng.

**13. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH**

	Phần mềm máy tính	Cộng
	VND	VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>		
01/01/2024	2.302.300.970	2.302.300.970
- Mua trong năm	785.000.000	785.000.000
<b>31/12/2024</b>	<b>3.087.300.970</b>	<b>3.087.300.970</b>
<b>HAO MÒN LŨY KẾ</b>		
01/01/2024	(1.999.985.836)	(1.999.985.836)
- Khấu hao trong năm	(68.466.526)	(68.466.526)
<b>31/12/2024</b>	<b>(2.068.452.362)</b>	<b>(2.068.452.362)</b>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>		
01/01/2024	302.315.134	302.315.134
<b>31/12/2024</b>	<b>1.018.848.608</b>	<b>1.018.848.608</b>

Nguyên giá tài sản cố định vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2024 số tiền là 1.658.989.970 đồng (tại ngày 01/01/2024 số tiền là 1.658.989.970 đồng).

**CÔNG TY CỔ PHẦN BỆNH VIỆN GIAO THÔNG VẬN TÀI**

Ngõ 84 phố Chùa Láng, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

**14. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà cửa vật kiến trúc VND	Máy móc thiết bị vận tải, truyền dẫn VND	Phương tiện dụng cụ quản lý VND	Thiết bị VND	TSCĐ HH khác VND	Cộng VND
<b>NGUYỄN GIÁ</b>						
01/01/2024	190.043.410.859	178.755.505.124	4.945.029.135	44.531.383.711	15.150.246.916	433.425.575.745
- Mua trong năm	-	1.808.612.000	-	34.830.000	-	1.843.442.000
- Đầu tư XDCB hoàn thành	2.797.400.077	-	-	-	168.997.710	2.966.397.787
- Thanh lý, nhượng bán	-	(10.741.033.006)	(1.355.799.335)	-	-	(12.096.832.341)
31/12/2024	192.840.810.936	169.823.084.118	3.589.229.800	44.566.213.711	15.319.244.626	426.138.583.191

**HAO MÒN LŨY KẾ**

01/01/2024	(64.212.790.796)	(163.392.598.667)	(2.613.866.641)	(38.233.394.467)	(12.991.556.998)	(281.444.207.569)
- Khấu hao trong năm	(4.859.469.271)	(7.081.164.776)	(300.363.397)	(4.231.555.127)	(1.487.561.934)	(17.960.114.505)
- Thanh lý, nhượng bán	-	10.741.033.006	1.355.799.335	-	-	12.096.832.341
31/12/2024	(69.072.260.067)	(159.732.730.437)	(1.558.430.703)	(42.464.949.594)	(14.479.118.932)	(287.307.489.733)

**GIÁ TRỊ CÒN LẠI**

01/01/2024	125.830.620.063	15.362.906.457	2.331.162.494	6.297.989.244	2.158.689.918	151.981.368.176
31/12/2024	123.768.550.869	10.090.353.681	2.030.799.097	2.101.264.117	840.125.694	138.831.093.458

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2024 số tiền là 127.935.776.712 đồng (tại ngày 01/01/2024 số tiền là 110.693.670.739 đồng).



**CÔNG TY CỔ PHẦN BỆNH VIỆN GIAO THÔNG VẬN TẢI**  
 Ngõ 84 phố Chùa Láng, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

**15. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN**

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
<b>Ngắn hạn</b>	<b>26.412.773.839</b>	<b>26.412.773.839</b>	<b>33.303.657.713</b>	<b>33.303.657.713</b>
- Công ty TNHH MTV Dược liệu TW 2	4.170.348.062	4.170.348.062	3.848.348.340	3.848.348.340
- Công ty cổ phần Dược liệu Trung ương 2 (Phytopharma)	2.094.068.548	2.094.068.548	2.275.832.376	2.275.832.376
- Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị Y tế Hà Nội	1.773.064.229	1.773.064.229	1.900.949.823	1.900.949.823
- Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1	1.078.477.500	1.078.477.500	639.366.450	639.366.450
- Công ty Cổ phần Xây dựng Thương mại và Dịch vụ TSP	1.053.968.697	1.053.968.697	-	-
- Công ty TNHH Hà Nội IEC	878.450.000	878.450.000	1.470.500.000	1.470.500.000
- Công ty TNHH Dược Phẩm GIGAMED - Chi nhánh Hà Nội	689.269.334	689.269.334	32.950.505	32.950.505
- Công ty TNHH Thiết bị y tế Phương Đông	361.125.000	361.125.000	888.817.500	888.817.500
- Công ty TNHH AEONMED Việt Nam	204.000.000	204.000.000	515.040.000	515.040.000
- Công ty TNHH Thiết bị Minh Tâm	154.008.540	154.008.540	257.951.070	257.951.070
- Các nhà cung cấp khác	13.955.993.929	13.955.993.929	21.473.901.649	21.473.901.649
<b>Cộng</b>	<b>26.412.773.839</b>	<b>26.412.773.839</b>	<b>33.303.657.713</b>	<b>33.303.657.713</b>

**16. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU/PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	01/01/2024		31/12/2024	
	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp/khấu trừ trong năm	Số đã thực nộp/khấu trừ trong năm	Số đã thực nộp/khấu trừ trong năm
	VND	VND	VND	VND
<b>Thuế và các khoản phải nộp</b>				
- Thuế giá trị gia tăng phải nộp	49.201.373	506.387.629	516.022.373	39.566.629
- Thuế thu nhập cá nhân	148.647.381	846.731.137	800.831.374	194.547.144
- Các loại thuế khác	-	3.000.000	3.000.000	-
	<b>197.848.754</b>	<b>1.356.118.766</b>	<b>1.319.853.747</b>	<b>234.113.773</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN BỆNH VIỆN GIAO THÔNG VẬN TẢI**  
 Ngõ 84 phố Chùa Láng, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**  
*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)*

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

**16. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU/PHẢI TRẢ NHÀ NƯỚC (TIẾP)**

	01/01/2024		Số phải nộp trong năm		Số đã thực nộp/khấu trừ trong năm		31/12/2024	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Thuế và các khoản phải thu	12.971.659	-	-	-	-	-	12.971.659	
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	12.971.659	-	-	-	-	-	12.971.659	

**17. PHẢI TRẢ, PHẢI NỢ KHÁC**

	31/12/2024		01/01/2024	
	VND	VND	VND	VND
<b>Ngắn hạn</b>	<b>656.168.766</b>	<b>1.004.663.536</b>		
- Kinh phí công đoàn	107.645.050	102.136.238		
- Bảo hiểm xã hội	-	67.942.896		
- Bảo hiểm y tế	-	11.989.923		
- Bảo hiểm thất nghiệp	-	5.128.854		
- Nhận ký quỹ, ký cược	41.061.777	14.140.460		
- Các khoản phải trả ngắn hạn khác	507.461.939	803.125.165		
<b>Cộng</b>	<b>656.168.766</b>	<b>1.004.663.536</b>		



**CÔNG TY CỔ PHẦN BỆNH VIỆN GIAO THÔNG VẬN TÀI**  
 Ngõ 84 phố Chùa Láng, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

**18. VỐN CHỦ SỞ HỮU**

**18.1 BẢNG ĐÓI CHIẾU BIẾN ĐỘNG CỦA VỐN CHỦ SỞ HỮU**

Khoản mục	Vốn đầu tư của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Tổng cộng VND
01/01/2024	391.459.707.823	12.748.944.596	(222.576.791.077)	181.631.861.342
- Lỗ trong năm trước	-	-	(15.670.029.242)	(15.670.029.242)
31/12/2024	391.459.707.823	12.748.944.596	(238.246.820.319)	165.961.832.100
01/01/2024	391.459.707.823	12.748.944.596	(238.246.820.319)	165.961.832.100
- Lãi trong năm nay	-	-	5.876.368.564	5.876.368.564
31/12/2024	391.459.707.823	12.748.944.596	(232.370.451.755)	171.838.200.664

**18.2 CHI TIẾT VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU**

	31/12/2024		01/01/2024	
	VND	%	VND	%
- Đại diện phần vốn Nhà nước	278.443.707.823	71,13%	278.443.707.823	71,13%
Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước	278.443.707.823	71,13%	278.443.707.823	71,13%
- Công ty Cổ phần Tập đoàn T&T	86.400.000.000	22,07%	86.400.000.000	22,07%
- Cổ đông khác	26.616.000.000	6,80%	26.616.000.000	6,80%
	391.459.707.823	100,00%	391.459.707.823	100,00%

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

**18.3 CÁC GIAO DỊCH VỀ VỐN VỚI CÁC CHỦ SỞ HỮU VÀ PHÂN PHỐI, CÓ TỨC**

	Năm nay VND	Năm trước VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	391.459.707.823	391.459.707.823
+ Vốn góp tăng trong năm	-	-
+ Vốn góp giảm trong năm	-	-
+ Vốn góp cuối năm	391.459.707.823	391.459.707.823
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	-

**18.4 CỔ PHIẾU**

	31/12/2024 CP	01/01/2024 CP
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	39.145.970	39.145.970
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	39.145.970	39.145.970
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	39.145.970	39.145.970
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	39.145.970	39.145.970
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	39.145.970	39.145.970
* <i>Mệnh giá cổ phiếu (VND/Cổ phiếu)</i>	10.000	10.000

**19. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	Năm nay VND	Năm trước VND
- Doanh thu cung cấp dịch vụ y tế	228.083.136.780	192.381.148.157
- Doanh thu từ dược phẩm đã bán	2.784.681.137	5.176.322.796
<b>Cộng</b>	<b>230.867.817.917</b>	<b>197.557.470.953</b>

**20. GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

	Năm nay VND	Năm trước VND
- Giá vốn dịch vụ y tế đã cung cấp	196.225.263.923	182.404.538.568
- Giá vốn dược phẩm đã bán	2.612.888.745	4.874.858.177
<b>Cộng</b>	<b>198.838.152.668</b>	<b>187.279.396.745</b>

**21. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	Năm nay VND	Năm trước VND
- Lãi tiền gửi	215.226.443	298.876.999
<b>Cộng</b>	<b>215.226.443</b>	<b>298.876.999</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

**22. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	Năm nay VND	Năm trước VND
- Chi phí lãi vay	34.842.124	141.359.794
<b>Cộng</b>	<b>34.842.124</b>	<b>141.359.794</b>

**23. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	Năm nay VND	Năm trước VND
<i>Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp</i>	<b>29.265.654.454</b>	<b>28.386.405.101</b>
- Chi phí nhân viên quản lý	16.365.632.942	15.828.296.067
- Chi phí vật liệu quản lý	1.688.570.599	1.055.950.021
- Chi phí đồ dùng văn phòng	1.061.574.504	1.240.180.073
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.640.757.870	2.220.771.324
- Thuế, phí và lệ phí	3.000.000	3.000.000
- Chi phí dự phòng	432.676.079	185.432.606
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.568.346.384	5.050.670.946
- Chi phí bằng tiền khác	2.505.096.076	2.802.104.064
<i>Các khoản chi phí bán hàng</i>	<b>662.715.092</b>	<b>611.579.175</b>
- Chi phí hoa hồng bán hàng	662.715.092	611.579.175
<b>Cộng</b>	<b>29.928.369.546</b>	<b>28.997.984.276</b>

**24. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	Năm nay VND	Năm trước VND
- Chi phí nguyên vật liệu	102.408.523.900	92.792.863.664
- Chi phí nhân công	84.961.016.753	67.486.997.669
- Khấu hao tài sản cố định	18.028.581.031	22.185.192.422
- Trích lập dự phòng	432.676.079	185.432.606
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	15.009.937.452	9.553.439.764
- Chi phí bằng tiền khác	5.312.898.254	19.198.596.719
<b>Cộng</b>	<b>226.153.633.469</b>	<b>211.402.522.844</b>

**25. THU NHẬP KHÁC**

	Năm nay VND	Năm trước VND
- Thu nhập từ các dịch vụ khác trong Bệnh viện	3.215.136.900	1.875.315.021
- Nhận tài trợ	1.056.792.965	1.202.500.000
- Thu nhập từ thanh lý tài sản	63.692.920	-
- Các khoản khác	105.026.034	602.688.550
<b>Cộng</b>	<b>4.440.648.819</b>	<b>3.680.503.571</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

**26. CHI PHÍ KHÁC**

	Năm nay VND	Năm trước VND
- Các khoản chi phí không được trừ	778.030.994	761.985.645
- Các khoản chi phí khác	67.929.283	26.154.305
<b>Cộng</b>	<b>845.960.277</b>	<b>788.139.950</b>

**27. LÃI CƠ BẢN/SUY GIẢM TRÊN CỔ PHIẾU**

	Năm nay	Năm trước
- Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông	5.876.368.564	(15.670.029.242)
- Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu bình quân đang lưu hành trong năm	39.145.970	39.145.970
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>150</b>	<b>(400)</b>

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính này, Công ty chưa được Đại hội đồng cổ đông thông qua phương án trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành trên lợi nhuận sau thuế.

Công ty không có các cổ phiếu có tiềm năng suy giảm lãi trên cổ phiếu.

**28. THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN**

*Thu nhập (thù lao) của các thành viên chủ chốt được hưởng trong năm như sau:*

		Năm nay VND	Năm trước VND
		2.773.827.836	1.960.788.630
Ông Lê Thanh Tuấn	Chủ tịch HĐQT	60.000.000	32.727.273
Ông Nguyễn Minh Đức	Thành viên HĐQT	36.000.000	19.500.000
Ông Bùi Sỹ Tuấn Anh	Giám đốc - Thành viên HĐQT	1.087.638.350	762.572.245
Bà Nguyễn Thị Thu Hiền	Phó Giám đốc - Thành viên HĐQT	859.386.275	719.832.516
Bà Phạm Thị Mai Hương	Trưởng ban kiểm soát	36.000.000	19.636.364
Ông Đặng Trung Dũng	Thành viên BKS	12.000.000	6.545.455
Bà Tạ Minh Tiến	Thành viên BKS	175.918.991	-
Bà Đào Thị Thanh Huyền	Kế toán trưởng	506.884.220	399.974.777



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

**29. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG**

Theo Quyết định số 1129/QĐ-TTg ngày 21 tháng 7 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ về Phương án thí điểm cổ phần hóa Bệnh viện Giao thông Vận tải Trung ương (được cổ phần hóa thành Công ty cổ phần Bệnh viện Giao thông vận tải), Công ty thực hiện thuê đất của Nhà nước và trả tiền thuê đất theo quy định của pháp luật về quản lý và sử dụng đất đối với khu đất tại Ngõ 84 phố Chùa Láng, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội. Tại thời điểm phát hành báo cáo tài chính này, Công ty vẫn chưa được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt phương án thuê đất. Cam kết thuê hoạt động của Công ty chưa bao gồm tiền thuê đất đối với khu đất nêu trên.

**30. THÔNG TIN VỀ HOẠT ĐỘNG LIÊN TỤC**

Tại thời điểm 31/12/2024, trên Bảng Cân đối kế toán của Công ty, lỗ lũy kế số tiền là 232.370.451.755 đồng, tương ứng với 59,36% vốn chủ sở hữu. Những sự kiện này cho thấy tồn tại yếu tố không chắc chắn trong yếu dẫn đến nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Tuy nhiên, Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc này 31/12/2024 của Công ty vẫn được trình bày trên cơ sở hoạt động liên tục do Ban Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể cân đối được dòng tiền thanh toán các khoản nợ khi đến hạn và đảm bảo khả năng hoạt động liên tục của Công ty trong 12 tháng tiếp theo.

**31. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THỨC KỲ KẾ TOÁN**

Ban Giám đốc Công ty khẳng định rằng không có sự kiện nào sau ngày kết thúc năm tài chính có ảnh hưởng trọng yếu, cần phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính này.

**32. SỐ LIỆU SO SÁNH**

Số liệu so sánh trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 của Công ty đã được kiểm toán.

Số liệu đầu kỳ của một số chỉ tiêu trên Báo cáo lưu chuyển tiền tệ được trình bày lại. Cụ thể như sau:

Chỉ tiêu	Mã số	Số đã trình bày	Số trình bày lại
		VND	VND
Chi phí lãi vay	06	-	141.359.794
Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	1.062.966.984	1.204.326.778
Tiền lãi vay đã trả	14	141.359.794	(141.359.794)

Người lập biểu

  
Hoàng Thị Ánh Nguyệt


Kế toán trưởng

  
Đào Thị Thanh Huyền

Hà Nội, ngày 06 tháng 02 năm 2025

Giám đốc



  
Bùi Sỹ Tuấn Anh